

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lưu Trọng Kim

2/ Bà Lê Thị Kiều Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh B , xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18/02/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1996. Địa chỉ: số 45 đường số 20, tổ 5, thôn 2A, xã Đ , huyện Đức Linh, tỉnh B .

- Bị đơn: Anh Lương Quý A , sinh năm 1995. Địa chỉ: số 119 đường ĐT 766, tổ 1, thôn 2B, xã Đ , huyện Đức Lih, tỉnh B .

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2021, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh A tự nguyện kết hôn vào

năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã vào ngày 14/11/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống rất hạnh phúc và có 01 con chung tên Lương Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 07/5/2017. Tuy nhiên những năm sau này vợ chồng thường xuyên xung đột, mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể dung hòa được trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Thanh xác nhận mâu thuẫn giữa chị và anh A đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Hiện nay cháu Thảo Nhi đang sống chung với chị Thanh nên khi ly hôn, chị Thanh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Thanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/02/2021, chị Thanh có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện L đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh A làm việc nhưng anh A không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu thu thập được để xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn không thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Thanh và anh A không còn hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân thời gian dài, hiện tại không còn quan tâm, thương yêu nhau. Do đó nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thanh là có căn cứ, đồng thời giao con cho chị Thanh nuôi dưỡng và buộc anh A cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Thanh là phù hợp.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện L đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng Án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Trong đó nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ quy định tại khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Thanh và anh A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của chị Thanh và giấy khai sinh do UBND xác cấp cho người được khai sinh có tên Lương Nguyễn Thảo Nhi thì có cơ sở xác định, cháu Thảo Nhi là con chung của chị Thanh và anh A. Do đó căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Từ các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa chị Thanh và anh A đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, hiện tại mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Quá trình tham gia tố tụng, chị Thanh xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh A và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy không thu thập được lời khai của anh A về tình trạng hôn nhân nhưng qua tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Thanh và anh A đã thật sự trầm trọng, gây gắt, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thanh là có căn cứ pháp luật.

Về con chung: Xét thấy Thảo Nhi là cháu gái, tuổi còn nhỏ, hiện đang do chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Thanh có công việc và thu nhập ổn định. Do đó căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu thì cần giao cháu cho chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định.

Về cấp dưỡng: Quá trình làm việc chị Thanh yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng. Nhận thấy yêu cầu của chị Thanh là có căn cứ. Bởi lẽ anh A là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ngoài ra mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng mà chị Thanh yêu cầu là phù hợp. Do đó, cần buộc anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng theo yêu cầu của chị Thanh là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 116 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thanh phải chịu án phí về ly hôn và anh A phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T .

- Về hôn nhân: Tuyên bố Nguyễn Thị T ly hôn Lương Quý A .

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Lương Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 07/5/2017. Buộc anh Lương Quý A phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Thanh mỗi

tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Thanh có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng anh A còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005207 ngày 18/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị Thanh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lương Quý A phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã Đ ;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA